

Số: 10/2018/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 03 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành điều lệ tổ chức, hoạt động và
quy chế quản lý sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Sơn La**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 197/TTr-STC ngày 17/4/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/5/2018 và thay thế Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức, hoạt động và quy chế quản lý sử dụng quỹ phát triển đất tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất tỉnh; Quỹ phát triển đất tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐ, CVCK);
- Trung tâm công báo;
- Lưu: VT, TH, Thanh 45 bản. *huh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cầm Ngọc Minh

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG VÀ QUY CHẾ
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH SƠN LA
(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND
ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Điều lệ này quy định về vị trí, chức năng, tổ chức, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý, sử dụng và cơ chế tài chính của Quỹ phát triển đất tỉnh Sơn La (Sau đây gọi tắt là Quỹ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất tỉnh Sơn La.
2. Quỹ phát triển đất tỉnh Sơn La
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến chức năng nhận vốn, ứng vốn và hỗ trợ tái định cư, tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 3. Vị trí và chức năng

1. Tên gọi của Quỹ: Quỹ phát triển đất tỉnh Sơn La.
2. Quỹ là tổ chức tài chính Nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Trụ sở của Quỹ được đặt tại Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
3. Quỹ có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật.
4. Quỹ có chức năng nhận vốn từ nguồn Ngân sách Nhà nước, phân bổ, bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và huy động các nguồn khác theo quy định để ứng vốn và chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La. *luu*

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động và quản lý tài chính của Quỹ

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận.

2. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận nguồn vốn theo quy định tại Khoản 2, Điều 6, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; tiếp nhận nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2. Ứng vốn cho các tổ chức để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1, Điều 15 của Điều lệ này; thực hiện thu hồi vốn đã ứng theo quy định.

3. Ứng vốn cho ngân sách Nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các Điểm d, đ và e Khoản 1, Điều 15 của Điều lệ này.

4. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đình chỉ, thu hồi vốn đã ứng, kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng, kinh phí hỗ trợ.

5. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.

6. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.

7. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 6. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành Quỹ hoạt động theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

2. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan thẩm định nhu cầu chi hỗ trợ, trình Hội đồng quản lý Quỹ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; thực hiện chi hỗ trợ theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh; thực hiện thu hồi các khoản chi hỗ trợ theo quy định. 

3. Quyết định ứng vốn cho các tổ chức theo Quy định tại Điều 16, Điều lệ này; thực hiện thu hồi vốn ứng khi đến hạn hoặc thu hồi theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tham gia kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình dự án, đề án đã được Quỹ ứng vốn hoặc hỗ trợ.

5. Quyết định ứng vốn cho các tổ chức, theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 5 của Điều lệ này. Thực hiện thu hồi ứng vốn khi đến hạn, thu hồi theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về phạm vi, đối tượng được ứng vốn, được chi hỗ trợ từ Quỹ.

7. Khi đến hạn trả nợ, các tổ chức ứng vốn không trả được nợ, Quỹ có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật; Trường hợp cần thiết, Giám đốc Quỹ phát triển đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phương án giảm trừ thông báo vốn đầu tư xây dựng cơ bản tại các Ban Quản lý dự án đầu tư cấp tỉnh và giảm trừ trợ cấp cân đối tại các huyện, thành phố đối với các khoản tạm ứng từ nguồn Quỹ phát triển đất đã đến hạn hoàn trả nhưng chưa thực hiện hoàn trả.

8. Ban hành Quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động Quỹ.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Ban Kiểm soát Quỹ.

3. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm: Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng Quỹ và sử dụng cán bộ của Sở Tài chính.

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là tổ chức cao nhất của Quỹ, quyết định chủ trương, phương hướng và các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Quỹ.

2. Hội đồng quản lý Quỹ gồm có 7 thành viên: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành khối, lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải, tài nguyên môi trường, kiêm nhiệm.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Sở Tài chính, kiêm Giám đốc Quỹ. *luu*

c) Thành viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo Sở, Ngành: Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Xây dựng; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng phòng Quản lý ngân sách - Sở Tài chính.

d) Các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo quy định pháp luật và phân cấp của tỉnh.

4. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Hội đồng quản lý Quỹ họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết.

Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự. Nội dung và kết luận các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ đều phải được ghi thành biên bản hoặc nghị quyết và được gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách từ các nguồn thu từ đất và các nguồn vốn khác giao cho Quỹ theo quy định của pháp luật.

b) Được sử dụng con dấu của Quỹ và bộ máy điều hành nghiệp vụ của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban Kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

đ) Thông qua kế hoạch tài chính và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

e) Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung ủy quyền.

g) Quyết định ứng vốn và thực hiện chi hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ.

h) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật. 

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

a) Chịu trách nhiệm về công việc của Hội đồng quản lý Quỹ, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, gửi các cơ quan có liên quan theo quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

c) Triệu tập, chủ trì và phân công thành viên Hội đồng quản lý Quỹ chuẩn bị nội dung cho các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Thành viên được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.

e) Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.

g) Chịu trách nhiệm về các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

a) Thực hiện nhiệm vụ thường trực Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Thực hiện chức năng của Chủ tịch Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền.

Điều 10. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền có trách nhiệm gửi thông báo mời họp bằng văn bản chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp đến từng thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và dự thảo quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của Ủy viên.

2. Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập họp, trong trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ được ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì cuộc họp.

3. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý nếu có Ủy viên không trực tiếp dự họp thì có quyền biểu quyết bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến tay Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chậm nhất là 01 (một) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp.

4. Đối với những công việc có liên quan đến chức năng quản lý Nhà nước của các Sở, Ban, Ngành, UBND huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn, các tổ

chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hội, hiệp hội không có thành viên tham gia Hội đồng quản lý Quỹ thì Quỹ có thể mời đại diện có thẩm quyền của các tổ chức, cơ quan tham dự phiên họp do Hội đồng quyết định thành phần mời họp theo đúng quy định của pháp luật. Đại diện của các cơ quan này có quyền phát biểu nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

5. Biên bản, Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính chất bắt buộc thi hành đối với Quỹ, được giao Giám đốc Quỹ hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

6. Các Thành viên Hội đồng quản lý có trách nhiệm bảo vệ bí mật về thông tin theo quy định của Quỹ và các quy định của pháp luật, kể cả khi đã thôi đảm nhiệm chức vụ hoặc chuyển cơ quan khác.

7. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ theo quy định hiện hành của tỉnh và đúng theo quy định của Nhà nước.

Điều 11. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ gồm 03 thành viên: Trưởng Ban là thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ; các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

a) Thành viên Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

b) Thành viên Ban kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng Quỹ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai thực hiện.

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ, người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên của Ban Kiểm soát do Trưởng Ban Kiểm soát uỷ quyền được mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành nghiệp vụ Quỹ.

5. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép. 

6. Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép. Trưởng hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt thì được ủy quyền cho một thành viên Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 12. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm có Giám đốc, Kế toán trưởng

a) Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật và phân cấp của tỉnh.

b) Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật và phân cấp của tỉnh.

2. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ; Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Xây dựng phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Quỹ, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

b) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ, các chương trình, kế hoạch và Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Quyết định ứng vốn, thực hiện chi hỗ trợ theo kế hoạch được duyệt và quy định tại Điều lệ của Quỹ.

d) Báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình tiếp nhận vốn, ứng vốn, chi hỗ trợ và các hoạt động khác của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền quy chế làm việc và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ.

e) Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng của Quỹ.

g) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ và các quy định của pháp luật.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán. *luu*

4. Bộ phận giúp việc của Quỹ: Quỹ được sử dụng cán bộ, công chức của Sở Tài chính trong tổng biên chế UBND tỉnh giao hàng năm. Quỹ được sử dụng một số lao động hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh.

Điều 13. Chế độ thông tin, bảo mật thông tin

Quỹ được trao đổi thông tin về hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật. Cán bộ, nhân viên Quỹ và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật các thông tin về hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Quỹ có quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

CHƯƠNG IV QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ

Điều 14. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn ngân sách cấp và các nguồn vốn huy động khác theo quy định của pháp luật.

2. Mức vốn ngân sách tỉnh cấp cho Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khi thành lập Quỹ. Việc thay đổi mức vốn Nhà nước cấp trong quá trình hoạt động, theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Sở Tài chính.

3. Hàng năm, UBND tỉnh quyết định trích từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh, để đảm bảo nguồn vốn hoạt động của Quỹ, theo kế hoạch hoạt động hàng năm.

4. Các nguồn vốn khác của Quỹ gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ hoặc uỷ thác quản lý của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ, uỷ thác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Quy định về quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ

1. Quỹ được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Ứng vốn cho tổ chức phát triển Quỹ đất để tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tạo Quỹ đất và phát triển Quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức phát triển các khu tái định cư phục vụ việc thu hồi đất thực hiện các dự án; tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên Quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá.

b) Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. 

c) Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư tạo Quỹ đất, Quỹ nhà tái định cư theo quy hoạch.

d) Ứng vốn cho ngân sách Nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất.

đ) Ứng vốn cho ngân sách Nhà nước để chi hỗ trợ khoản chênh lệch cho hộ gia đình, cá nhân vào khu tái định cư trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu.

e) Ứng vốn cho ngân sách Nhà nước để chi hỗ trợ xây dựng khu tái định cư; hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng tại địa phương có đất bị thu hồi.

2. Mức ứng vốn để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại các Tiết a, b và c Khoản 1 Điều này do Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo kế hoạch ứng vốn đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

3. Mức chi hỗ trợ cho các nhiệm vụ quy định tại các Điểm d, đ và e Khoản 1 Điều này do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 16. Trình tự, thủ tục ứng vốn, chi hỗ trợ

1. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu ứng vốn của các tổ chức (gồm: Ban Quản lý dự án cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố; các chủ đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Điều lệ này) và nguồn vốn chủ sở hữu thực có của Quỹ, Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch ứng vốn năm và các trường hợp phát sinh trong năm.

2. Căn cứ kế hoạch ứng vốn đã được phê duyệt và nhu cầu ứng vốn, chi hỗ trợ của từng dự án, Giám đốc Quỹ thực hiện ứng vốn, chi hỗ trợ cho các dự án. Mức ứng vốn, chi hỗ trợ cụ thể cho từng dự án trên cơ sở tiến độ thực hiện, nhu cầu vốn ứng, chi hỗ trợ của các dự án và nguồn vốn chủ sở hữu thực có của Quỹ theo quyết định của Chủ tịch của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành trình tự, thủ tục ứng vốn, chi hỗ trợ và hoàn trả vốn tại Quỹ phát triển đất tỉnh Sơn La.

Điều 17. Hoàn trả vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ

1. Hoàn trả vốn ứng

Tổ chức được ứng vốn để thực hiện những nhiệm vụ quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này có trách nhiệm hoàn trả vốn đã ứng từ các nguồn sau:

a) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì được hoàn trả từ vốn đầu tư của dự án. 

b) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thì được hoàn trả từ ngân sách địa phương. Khi thực hiện giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn ứng ra để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (*số tiền sử dụng đất, thuê đất thu được thực hiện điều tiết cho các cấp ngân sách sau khi bù trừ phần chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đã ứng ra*).

c) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch, sau đó đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trên đất, thì được hoàn trả từ tiền đấu giá quyền sử dụng đất hoặc tiền sử dụng đất thu được thông qua đấu thầu trước khi nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

d) Đối với vốn ứng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các khu, điểm, nhà tái định cư để tạo lập Quỹ nhà đất phục vụ tái định cư cho người bị thu hồi đất, thì được hoàn trả từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư của đối tượng được bố trí tái định cư; trường hợp nguồn thu từ tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư không đủ để hoàn trả thì ngân sách các cấp hoàn trả theo phân cấp phần chênh lệch.

2. Hoàn trả các khoản chi hỗ trợ

Tổ chức được giao nhiệm vụ chi hỗ trợ cho những nhiệm vụ quy định tại các Điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này có trách nhiệm hoàn trả từ các nguồn sau:

a) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ đã nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn vốn để hoàn trả thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ không nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì do ngân sách địa phương chi trả; trường hợp ngân sách địa phương chưa bố trí để thực hiện chi trả thì Quỹ có trách nhiệm chi trả và được ngân sách địa phương bố trí hoàn trả.

Điều 18. Thời hạn hoàn trả vốn ứng, các khoản chi hỗ trợ và xử lý rủi ro

1. Thời hạn hoàn trả vốn ứng: Được xác định theo khả năng hoàn trả vốn ứng của từng dự án nhưng tối đa không vượt quá thời gian thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư trong Quyết định phê duyệt dự án. Trường hợp đặc biệt cần kéo dài thời gian thực hiện, Giám đốc Quỹ báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

2. Căn cứ phương án hoàn trả vốn ứng và thời hạn ứng vốn của dự án, Quỹ có trách nhiệm đôn đốc, thu hồi vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ của các tổ chức được ứng vốn và giao nhiệm vụ chi hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ này. *huy*

3. Xử lý rủi ro

a) Trường hợp xảy ra rủi ro cho các dự án ứng vốn của Quỹ do nguyên nhân khách quan được xử lý như sau:

- Trường hợp do chính sách Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án dẫn đến việc chủ đầu tư gặp khó khăn trong hoàn trả vốn ứng thì tổ chức nhận vốn ứng được xem xét gia hạn nợ; giãn nợ; khoan nợ; xóa nợ, theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản mà các tổ chức nhận vốn ứng không trả được nợ và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo trình tự như sau:

+ Sử dụng các nguồn tài chính của chủ đầu tư theo quy định để thu hồi nợ.

+ Tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có).

+ Được xem xét, xóa nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại.

b) Thẩm quyền xử lý rủi ro: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc gia hạn nợ; giãn nợ; khoan nợ, xóa nợ. Thời gian gia hạn nợ; giãn nợ không quá 1/3 thời hạn ứng vốn. Thời gian ứng vốn căn cứ vào tính chất quy mô của từng dự án do Quỹ quyết định sau khi xin ý kiến của Hội đồng quản lý Quỹ. Trường hợp xóa nợ gốc, sau khi quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 19. Phí ứng vốn, kiểm tra tình hình ứng vốn

1. Phí ứng vốn

Khi ứng vốn cho tổ chức phát triển Quỹ đất và các tổ chức khác để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này, Quỹ được thu phí ứng vốn theo quy định sau:

a) Đối với vốn ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và các khoản ứng vốn chi hỗ trợ, mức phí ứng vốn bằng không (= 0).

b) Đối với vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ khác, mức phí ứng vốn được xác định bằng mức phí ứng vốn ngân sách Nhà nước.

2. Kiểm tra tình hình sử dụng vốn ứng

a) Quỹ được quyền yêu cầu chủ đầu tư, tổ chức phát triển quỹ đất cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin theo chế độ quy định để phục vụ cho công tác kiểm soát tạm ứng vốn.

b) Định kỳ hoặc đột xuất (khi có nghi vấn) kiểm tra các chủ đầu tư, tổ chức phát triển Quỹ đất về tình hình thực hiện dự án, việc chấp hành chế độ, chính sách đầu tư phát triển, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư; được phép tạm ngừng tạm ứng vốn hoặc thu hồi số vốn mà chủ đầu tư, tổ chức phát triển Quỹ đất sử dụng sai mục đích, sai đối tượng hoặc trái với chế độ quản lý tài chính của Nhà nước đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, xử lý. 

Điều 20. Nhận uỷ thác

1. Quỹ được nhận uỷ thác quản lý, sử dụng vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận uỷ thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân uỷ thác theo đúng quy định của pháp luật.
2. Quỹ được nhận uỷ thác quản lý hoạt động của các Quỹ khác thuộc tỉnh.
3. Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận uỷ thác và được hạch toán vào nguồn thu của Quỹ. Mức phí cụ thể được thoả thuận và ghi trong hợp đồng nhận uỷ thác.

CHƯƠNG V CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 21. Cơ chế tài chính

Quỹ phát triển đất tỉnh là tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Các khoản chi từ ngân sách của Quỹ được bố trí trong dự toán chi ngân sách của Sở Tài chính.

Điều 22. Nguồn thu của Quỹ

1. Nguồn thu của Quỹ bao gồm:
 - a) Kinh phí ngân sách Nhà nước cấp cho Quỹ đảm bảo kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.
 - b) Phí ứng vốn theo quy định tại Điều 19 Điều lệ này.
 - c) Lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (nếu có).
 - d) Nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ và phí nhận uỷ thác.
 - đ) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.
2. Nguồn thu của Quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này không bao gồm nguồn vốn Nhà nước cấp của Quỹ quy định tại Điều 14 của Điều lệ này.

Điều 23. Nội dung chi

1. Chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ theo quy định.
2. Nội dung chi của Quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này không bao gồm các nội dung chi ứng vốn và hỗ trợ quy định tại Điều 15 của Điều lệ này.

Điều 24. Chế độ kế toán, kiểm toán

1. Quỹ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê, báo cáo theo đúng các quy định của pháp luật.
2. Việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. 

Điều 25. Quản lý tài chính Quỹ

1. Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm lập dự toán thu, chi tài chính, báo cáo tài chính (kèm thuyết minh chi tiết), gửi Ban Kiểm soát cho ý kiến, trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, gửi Sở Tài chính xem xét, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền.

2. Quỹ phải thực hiện công khai báo cáo tài chính năm và công khai quyết toán thu, chi tài chính năm theo quy định hiện hành.

3. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo. Ban Kiểm soát Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ và báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý về tình hình tài chính của Quỹ.

CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Con dấu của Quỹ khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan công an có thẩm quyền. Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh Sơn La sử dụng và quản lý con dấu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức, hoạt động, quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Sơn La. Quỹ phát triển đất tỉnh Sơn La và các tổ chức cá nhân có liên quan đến Quỹ phát triển đất có trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

3. Các nội dung về tổ chức và hoạt động của Quỹ không ghi trong bản Điều lệ này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành. Các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Điều lệ này, khi có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của cấp có thẩm quyền, thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung, Quỹ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ Phát triển đất tỉnh Sơn La chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cầm Ngọc Minh

